TỈNH ỦY TÂY NINH

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

TÀI LIỆU

KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp và môi trường

Năm 2023

TÀI LIỆU ÔN THI MÔN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH
Chức danh Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp và môi trường

CHUYÊN ĐỀ 1: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẤT ĐAI

1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò quản lý nhà nước đối với đất đai

1.1. Một số khái niệm liên quan đến quản lý nhà nước đối với đất đai

- Nhà nước giao đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất bằng quyết định hành chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng đất.

- Nhà nước cho thuê đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất bằng hợp đồng cho đối tượng có nhu cầu sử dụng đất.

- Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định là việc Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho người đó.

- Thu hồi đất là việc Nhà nước ra quyết định hành chính để thu lại quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất đã giao cho tổ chức, UBND cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

- Đăng ký quyền sử dụng đất là việc ghi nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với một thửa đất xác định vào hồ sơ địa chính nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất để bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

1.2 Khái niệm quản lý nhà nước đối với đất đai

Quản lý nhà nước đối với đất đai là một trong những lĩnh vực hoạt động hết sức quan trọng của Nhà nước, bởi vai trò to lớn của đất đai trong đời sống, cũng như trong sản xuất và sự phức tạp của các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này.

Quản lý nhà nước đối với đất đai là một bộ phận của quản lý nói chung. Quản lý nhà nước đối với đất đai bao gồm nhiều hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền, như Chính phủ, các bộ, các cơ quan ngang bộ, UBND các cấp ...Hoạt động quản lý nhà nước đối với đất đai đã điều chỉnh các quy trình xã hội phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước đối với đất đai; điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trong chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng ....Hoạt động này luôn luôn luôn mang tính quyền lực nhà nước, nhân danh Nhà nước và được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật.

Mục đích của quản lý nhà nước đối với đất đai là để bảo vệ đất đai - tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể sử dụng đất, đưa nguồn lực đất dai vào sản xuất, nhằm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Từ những phân tích trên có thể rút ra khái niệm: *Quản lý nhà nước đối với đất đai là toàn bộ hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương tới địa phương, các cán bộ, công chức có thẩm quyền dựa vào pháp luật để điều chỉnh các quy trình phát sinh trong quá trình quản lý đất đai, điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất nhằm bảo vệ đất đai, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể sử dụng đất và đưa đất đai vào sản xuất, kinh doanh để phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.*

** Chủ thể quản lý nhà nước về đất đai*

- Nhà nước thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu về đất đai thông qua việc:

+ Quyết định quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất.

+ Quyết định mục đích sử dụng đất.

+ Quy định hạn mức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất.

+ Quyết định thu hồi đất, trưng dụng đất.

+ Quyết định giá đất.

+ Quyết định trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất.

+ Quyết định chính sách tài chính về đất đai.

+ Quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai được quy định như sau:

+ Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về đất đai trong phạm vi cả nước.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý Nhà nước về đất đai.

Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giúp Chính phủ trong quản lý Nhà nước về đất đai.

+ Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương theo thẩm quyền được giao.

- Để thực hiện trách nhiệm quản lý đất đai Nhà nước đã quy định hệ thống các cơ quan quản lý đất đai thống nhất trong phạm vi toàn quốc từ Trung ương đến địa phương, bao gồm:

+ Cơ quan quản lý đất đai ở địa phương bao gồm:

Cơ quan quản lý đất đai ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Sở Tài nguyên và Môi trường;

Cơ quan quản lý đất đai ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là Phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy quản lý đất đai tại địa phương; UBND cấp huyện bố trí công chức địa chính xã, phường, thị trấn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý đất đai ở địa phương và nhiệm vụ của công chức địa chính xã, phường, thị trấn.

Như vậy đối với xã, phường, thị trấn không có cơ quan quản lý đất đai mà chỉ có công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giúp UBND phường, thị trấn trong việc quản lý đất đai tại địa phương.

1.3 Đặc điểm cơ bản của quản lý nhà nước đối với đất đai

Một là, quản lý nhà nước đối với đất đai mang tính chất quyền lực nhà nước. Quản lý nhà nước đối với đất đai được thực hiện dựa trên cơ sở quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước được ghi nhận, củng cố bằng pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng nhiều công cụ, trong đó có sự cưỡng chế của Nhà nước.

Hai là, quản lý nhà nước đối với đất đai mang tính thực hiện và điều chỉnh là chủ yếu. Quản lý nhà nước đối với đất đai có tác dụng thiết lập mối quan hệ giữa người với người nhằm thực hiện những mục đích nhất định trong quá trình sử dụng đất. Đồng thời, trên cơ sở pháp luật, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành các quyết định quản lý cụ thể để điều chỉnh các quan hệ trong quá trình quản lý và sử dụng đất. Hoạt động này mang tính tổ chức chặt chẽ, bởi một hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai được xây dựng từ Trung ương tới địa phương.

Ba là, quản lý nhà nước đối với đất đai mang tính khoa học, kế hoạch, quản lý nhà nước mang tính chủ quan của người trực tiếp quản lý, nhưng dựa trên những căn cứ và yêu cầu khách quan. Chính vì vậy, quản lý nhà nước mang tính khoa học, chủ động sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn luôn thay đổi của đối tượng, môi trường quản lý và trong khuôn khổ pháp luật, để có các biện pháp ứng biến kịp thời, quyết định có hiệu quả công việc, nhằm đạt tới những mục tiêu đã xác định. Mặt khác, quản lý nhà nước phải có chương trình, chiến lược trong các giai đoạn để giải quyết các mục tiêu đặt ra.

Bốn là, quản lý nhà nước đối với đất đai là hoạt động chấp hành, điều hành diễn ra liên tục. Nó thực hiện tổ chức, điều chỉnh các quá trình xã hội, hành vi hoạt động của con người. Cùng với quá trình xã hội, hành vi hoạt động của con người thường xuyên vận động, biến đổi, quản lý nhà nước cũng diễn ra thường xuyên liên tục, không gián đoạn. Nếu quản lý nhà nước về đất đai chỉ theo "phong trào", theo "chiến dịch" sẽ không đáp ứng được yêu cầu của quản lý nhà nước, mà quản lý nhà nước đối với đất đai phải là sự tác động thường xuyên, liên tục lên các quá trình xã hội, làm cho nó vận động, biến đổi phù hợp với quy luật khách quan, đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ của quản lý nhà nước.

1.4. Vai trò của quản lý nhà nước đối với đất đai

Vai trò của quản lý nhà nước đối với đất đai là ý nghĩa, tầm quan trọng của nó trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội. Vai trò của hoạt động này vừa mang tính khách quan, do các thuộc tính của đất đai quy định nên, vừa mang tính chủ quan, từ nhận thức của con người.

Vai trò của quản lý nhà nước đối với đất đai thể hiện trên các mặt cơ bản sau đây:

Một là, quản lý nhà nước đối với đất đai có vai trò đưa chủ trương, đường lối của Đảng đối với đất dai vào thực tiễn cuộc sống

Trong các giai đoạn phát triển của đất nước, Đảng ban hành các chủ trương, đường lối, chính sách đối với đất đai. Sau đó, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách đã được thể chế hóa thành pháp luật, một mặt, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện trong thực tế. Mặt khác, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ các quy định pháp luật thông qua các hoạt động kiểm tra, thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý và sử dụng đất. Như vậy, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng trước hết được cụ thể hóa thành pháp luật, rồi được tổ chức thực hiện trên thực tế, đồng thời được bảo vệ bằng các hoạt động phát hiện, xử lý hành vi vi phạm những quy định pháp luật đã cụ thể hóa những chủ trương, đường lối, chính sách đó. Khi chủ trương, đường lối của Đảng thay đổi, thì hoạt động quản lý nhà nước lại bắt đầu thay đổi từ khâu sửa đổi, bổ sung các văn bản, quy định pháp luật có liên quan, sau đó các hoạt động quản lý nhà nước khác mới tiếp tục thay đổi theo.

Triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng đối với đất đai có vai trò hết sức quan trọng làm tiền đè để thực hiện các vai trò khác trong hoạt động quản lý nhà nước đối với đất đai. Vai trò này không dược thực hiện tốt thì hoạt động quản lý nhà nước đối với đất đai cũng không thể triển khai tốt các vai trò khác. Để quản lý đất đai hiệu quả, trước hết, các chủ trương, chính sách phải phản ánh được những đòi hỏi của thực tiễn khách quan, của xu thế phát triển.

Hai là, quản lý nhà nước đối với đất đai góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

Trong nền kinh tế thị trường, những giá trị đặc biệt vốn có của đất đai và những chủ trương, chính sách đúng đắn, quản lý nhà nước đối với đất đai ở Việt Nam góp phần to lớn thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Trên cơ sở đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý, vừa tư cách là đại diện chủ sở hữu, vừa với tư cách là chủ thể quyền lực nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước đối với đất đai bảo đảm điều chỉnh, định hướng cho các quan hệ xã hội trong lĩnh vực đất đai vận động có trật tự, ổn định và phù hợp với quy luật khách quan, nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Quản lý nhà nước đối với đất đai khuyến khích người sử dụng đất khai hoang, vỡ hóa, lấn biển, đưa đất trồng, đồi núi trọc ...vào sản xuất, công tác giao

đất, cho thuê đất đã đưa đất chưa sử dụng vào phát triển sản xuất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội.

Đặc biệt, quản lý nhà nước đối với đất đai có vai trò rất to lớn trong sự nghiệp CNH, HĐH. Điều quan trọng hơn, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp đất đai xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, các khu chế xuất, thực hiện các dự án đầu tư....trong quá trình thực hiện các chương trình CNH, HĐH. Nếu đất đai không thuộc sở hữu toàn dân, quyền lực của nhà nước trong quản lý đất đai bị hạn chế hơn, thì: quá trình giai đất cho các khu công nghiệp, khu chế xuất sẽ gặp phải vô sàn khó. Song song với việc cung cấp vốn, giao đất đai đề xây dựng cơ sở hạ tầng cho CNH, HĐH, quản lý nhà nước đối với đất đai còn góp phần to lớn vào điều chỉnh cơ cấu lao động - chuyển dần lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ - trong quá trình CNH, HĐH.

Ba là, quản lý nhà nước đối với đất đai góp phần giữa vững ổn định chính trị, trật tự xã hội trong quá trình phát triển đất nước.

Đất đai là một yếu tố không chỉ đặc biệt nhạy cảm về mặt kinh tế mà còn rất nhạy cảm cả về chính trị, xã hội. Chính vì vậy, quản lý nhà nước đối với đất đai giữ vai trò quan trọng trong ổn định chính trị và trật tự xã hội.

Quản lý nhà nước đối với đất đai bảo đảm cho người làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp (dân số ở nông thôn, miền núi gần 70% dân số) có đất sản xuất. Chính vì vậy, bảo vệ đất nông nghiệp được xem là chính sách lớn của Đảng. Gần đây, Đảng và Nhà nước có chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, để họ có đất sản xuất, có nơi định cư ổn định. Bên cạnh những chính sách đó, Nhà nước có chính sách bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất; thực hiện chính sách phân phối lại các nguồn lợi thu từ đất. Tất cả những chính sách đó nhằm bảo đẩm nguồn thu nhập cho người lao động nông nghiệp, lâm nghiệp.

Ở khu vực đô thị, quản lý nhà nước đối với đất đai có vai trò điều tiết bằng chính sách gián tiếp tạo điều kiện cho bộ phận dân cư này có nhà ở. Như vậy, quản lý nhà nước đối với đất đai vừa bảo đảm cơ sở thu nhập cho đại đa số dân số đang sống ở nông thôn, miền núi, lại vừa có chín hsasch bảo đẩm cho người sống ở đô thị cũng như ở nông thôn có nhà ở. Đây là những yêu cầu cơ bản tạo nên sự ổn định chính trị và trật tự xã hội ở Việt Nam.

Quản lý nhà nước đối với đất đai còn giữ vai trò rất to lớn trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài, nên quản lý nhà nước đối với đất đai có vai trò trong ổn định chính trị và trật tự xã hội.

Đồng thời với thực hiện các công việc trên, quản lý nhà nước đối với đất đai triển khai cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có xác định vị trí, ranh giới, diện tích), quy định sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, cho phép chuyển quyền sử dụng đất theo pháp luật sẽ từng bước đưa quan hệ đất đai đi vào trật tự ổn định.

Bốn là, quản lý nhà nước đối với đất đai góp phần thúc đẩy quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

Thực hiện chính sách mở của, hội nhập và hợp tác quốc tế, với phương châm: Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước. Việt Nam đã thiết lập quan hệ với nhiều nước, vùng lãnh thổ và tổ chức trên thế giới. Để quá trình hợp tác, hội nhập quốc tế diễn ra thuận lợi, đạt được mục đích đặt ra một cách tốt nhất, các nước, các tổ chức phải xây dựng đại sứ quán, lãnh sự quán, các văn phòng đại diện ở Việt Nam. Điều đó bắt buộc các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế cần sử dụng đất ở Việt Nam. Đặc biệt, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước goài, đầu tư vào Việt Nam có nhu cầu sử dụng đất rất lớn để xây dựng các nhà máy, khu chế xuất, khu công nghiệp, trụ sở làm việc hoặc khai thác tài nguyên trong đất. Quản lý nhà nước đối với đất đai ở Việt Nam có vai trò trực tiếp giải quyết vấn đề này thông qua việc cho họ thuê đất để thúc đẩy quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Quản lý nhà nước đối với đất đai xác định đối tượng nước ngoài được thuê đất; hình thức, thủ tục cho thuê đất; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thay mặt Nhà nước cho thuê đất....tạo điều kiện thuận lợi cho việc thuê đất, đồng thời bảo vệ quyền và các lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê đất, như: được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất; được bảo vệ khi bị người khác xâm phạm quyền sử dụng đất; quyền cho thuê lại, thế chấp quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai còn giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam dịnh cư ở nước ngoài thuê đất, để vừa bảo đảm thức đẩy quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế diễn ra thuận lợi, vừa tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý trong quan hệ đất đai, bảo vệ đất đai, khai thác đất đai hiệu quả, tiết kiệm trong xu thế hội nhập và hợp tác quốc tế.

Như vậy, quản lý nhà nước đối với đất đai có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung quản lý Nhà nước về đất đai

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 - Luật Đất đai 2013, nội dung quản lý Nhà nước về đất đai bao gồm:

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó.

- Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính.

- Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất.

- Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

- Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thống kê, kiểm kê đất đai.

- Xây dựng hệ thống thông tin đất đai.

- Quản lý tài chính về đất đai và giá đất.

- Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.

- Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai.

- Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai.

3. Thẩm quyền của UBND xã trong lĩnh vực đất đai

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương

+ Quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất được để lại phục vụ các nhu cầu công ích ở địa phương; xây dựng và quản lý các công trình công cộng, đường giao thông, trụ sở, trường học, trạm y tế, công trình điện, nước theo quy định của pháp luật;

+ UBND xã không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị trong kỳ quy hoạch sử dụng đất tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; trình HĐND cùng cấp thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được trình đồng thời với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc xét duyệt, UBND cấp xã có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương tại trụ sở UBND cấp xã trong suốt thời gian của kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực.

+ UBND cấp xã tổ chức, chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; phát hiện, ngăn chặn các hành vi sử dụng đất trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố.

+ UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý mốc địa giới hành chính trên thực địa tại địa phương; trường hợp mốc địa giới hành chính bị xê dịch, hư hỏng phải kịp thời báo cáo UBND cấp huyện.

+ Bản đồ địa chính được quản lý, lưu trữ tại cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh, cấp huyện và UBND cấp xã.

+ Xác nhận theo quy định tại Điều 50, 51, 82 Luật Đất đai để làm căn cứ xem xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất.

+ Tổ chức thực hiện việc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương; tổ chức thực hiện việc thống kê, kiểm kê đất đai của địa phương, báo cáo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của địa phương lên UBND cấp huyện.

+ UBND cấp xã cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của địa phương mình không quá năm năm; trường hợp cho thuê đất trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 thì thời hạn thuê đất được xác định theo hợp đồng thuê đất. Tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích phải nộp vào ngân sách nhà nước do UBND cấp xã quản lý và chỉ được dùng cho nhu cầu công ích của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất của địa phương

+ UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

+ UBND cấp xã nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hồ sơ cho thuê quyền sử dụng đất, hồ sơ thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, hồ sơ đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, hồ sơ đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn để chuyển cho văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

+ UBND cấp xã nhận hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để chuyển cho văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất;

+ UBND cấp xã chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; văn bản cam kết tặng cho hoặc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; hợp đồng thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân .

+ UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác để hoà giải tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hoà giải được và có đơn gửi đến UBND cấp xã. Thời hạn hoà giải là 30 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nhận được đơn. Kết quả hoà giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản có chữ ký của các bên tranh chấp và xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất. Trường hợp kết quả hoà giải khác với hiện trạng sử dụng đất thì UBND cấp xã chuyển kết quả hoà giải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định về quản lý đất đai.

- Giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính cấp xã

+ UBND cấp xã phối hợp với nhau để giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính cấp xã. Trường hợp không đạt được sự nhất trí hoặc việc giải quyết làm thay đổi địa giới hành chính thì đề nghị người có thẩm quyền giải quyết theo các quy định pháp luật.

+ Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm phát hiện và ngăn chặn kịp thời việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép; phát hiện và áp dụng các biện pháp ngăn chặn kịp thời việc xây dựng các công trình trên đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích ở địa phương và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

+ Chủ tịch UBND cấp xã xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật.

+ Khi nhận được kiến nghị về việc công chức địa chính cấp xã vi phạm các quy định pháp luật về đất đai, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo cho người có kiến nghị biết trong thời hạn không quá mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị.

4. Một số văn bản quy phạm pháp luật về đất đai:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

+ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

+ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

+ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất.

+ Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

+ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

+ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

+ Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sủa đổi Nghị đin số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính.

+ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

CHUYÊN ĐỀ 2: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Khái niệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

1.1. Môi trường

Trong những năm gần đây, thuật ngữ "môi trường" có nội dung khá rộng và đa dạng. Sau Hội nghị Stockholm năm 1972 đến nay, định nghĩa được dùng khá phổ biến là: "Môi trường là khung cảnh tự nhiên, là ngôi nhà chung của giới sinh vật, là nơi con người sinh sống, lao động, nghỉ ngơi và giải trí, là nơi hình thành và tích lũy nguồn tài nguyên thiên nhiên".

Theo quy định tại khoản 1, điều 3, Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 quy định: *Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên.*

Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường như đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật, hệ sinh thái và các hình thái vật chất khác.

1.2. Một số khái niệm liên quan đến môi trường

- *Hoạt động bảo vệ môi trường* là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- *Thành phần môi trường* là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác.

- *Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia* là việc sắp xếp, định hướng phân bố không gian phân vùng quản lý chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trên lãnh thổ xác định để bảo vệ môi trường, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững đất nước cho thời kỳ xác định.

- *Đánh giá môi trường chiến lược* là quá trình nhận dạng, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính, làm cơ sở để tích hợp, lồng ghép giải pháp bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch.

- *Đánh giá sơ bộ tác động môi trường* là việc xem xét, nhận dạng các vấn đề môi trường chính của dự án đầu tư trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi hoặc giai đoạn đề xuất thực hiện dự án đầu tư.

- *Đánh giá tác động môi trường* là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- *Quy chuẩn kỹ thuật môi trường* là quy định bắt buộc áp dụng mức giới hạn của thông số về chất lượng môi trường, hàm lượng của chất ô nhiễm có trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- *Tiêu chuẩn môi trường* là quy định tự nguyện áp dụng mức giới hạn của thông số về chất lượng môi trường, hàm lượng của chất ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức công bố theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- *Ô nhiễm môi trường* là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

- *Suy thoái môi trường* là sự suy giảm về chất lượng, số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

- *Sự cố môi trường* là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng.

- *Chất ô nhiễm* là chất hóa học hoặc tác nhân vật lý, sinh học mà khi xuất hiện trong môi trường vượt mức cho phép sẽ gây ô nhiễm môi trường.

- *Chất ô nhiễm khó phân hủy* là chất ô nhiễm có độc tính cao, khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học và lan truyền trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người.

- *Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy* là chất ô nhiễm khó phân hủy được quy định trong Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi là Công ước Stockholm).

- *Chất thải* là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

- *Chất thải rắn* là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải.

- *Chất thải nguy hại* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

- *Kiểm soát ô nhiễm* là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm.

- *Khả năng chịu tải của môi trường* là giới hạn chịu đựng của môi trường đối với các nhân tố tác động để môi trường có thể tự phục hồi.

- *Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường* bao gồm hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình bảo vệ môi trường khác.

- *Quan trắc môi trường* là việc theo dõi liên tục, định kỳ, đột xuất, có hệ thống về thành phần môi trường, các nhân tố tác động đến môi trường, chất thải nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng môi trường, diễn biến chất lượng môi trường và tác động xấu đến môi trường.

- *Phế liệu* là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm loại ra trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.

- *Khí nhà kính* là loại khí trong khí quyển gây hiệu ứng nhà kính.

- *Hiệu ứng nhà kính* là hiện tượng năng lượng bức xạ của Mặt Trời được hấp thụ trong khí quyển, chuyển hóa thành nhiệt lượng gây hiện tượng nóng lên toàn cầu.

- *Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính* là hoạt động nhằm giảm nhẹ mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính, tăng cường hấp thụ khí nhà kính.

- *Ứng phó với biến đổi khí hậu* là hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- *Hạn ngạch phát thải khí nhà kính* là lượng khí nhà kính của quốc gia, tổ chức, cá nhân được phép phát thải trong một khoảng thời gian xác định, được tính theo tấn khí carbon dioxide (CO_2) hoặc tấn khí carbon dioxide (CO_2) tương đương.

- *Tầng ô-dôn* là một lớp trong tầng bình lưu của Trái Đất, có tác dụng bảo vệ Trái Đất khỏi các bức xạ cực tím có hại từ Mặt Trời.

1.3 Khái niệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường là tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tê, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế xã hội quốc gia.

Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường là một hoạt động trong lĩnh vực quản lý xã hội, có tác động điều chỉnh các hoạt động của con người dựa trên sự tiếp cận có hệ thống và các kỹ năng điều phối thông tin đối với các vấn đề môi trường có liên quan đến con người, xuất phát từ quan điểm định lượng, hướng tới phát triển bền vững và sử dụng hợp lý tài nguyên.

Như vậy, quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường là hoạt động được tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các hành vi của các chủ thể tham gia hoạt động bảo vệ môi trường để bảo vệ quyền và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong công tác bảo vệ môi trường.

Cơ sở pháp lý của quản lý nhà nước về môi trường là luật, quy định dưới luật của các ngành chức năng và các tiêu chuẩn. Xét về mặt kinh tế, quản lý nhà nước về môi trường là biện pháp có hiệu quả nhất để phát triển bền vững.

2. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

2.1 Nguyên tắc bảo vệ môi trường

Hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 4 - Luật Bảo vệ môi trường 2022:

- Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

- Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

2.2Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Điều 164 - Luật Bảo vệ môi trường 2022 quy định nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như sau:

- Ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường.

- Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường; đăng ký môi trường; cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận về môi trường.

- Kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải, chất lượng môi trường; cải tạo và phục hồi môi trường; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường; tổ chức quan trắc môi trường.

- Xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, báo cáo về môi trường.

- Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và cập nhật kịch bản, cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ngập lụt đô thị; đánh giá khí hậu quốc gia; hướng dẫn việc sử dụng thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu và lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện thị trường các-bon trong nước; thực hiện cơ chế trao đổi tín chỉ, cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường.

- Truyền thông, giáo dục môi trường, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ, hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành; thống kê, theo dõi và công bố các nguồn chi cho bảo vệ môi trường.

2.3 Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường

Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 5 - Luật Bảo vệ môi trường 2022, bao gồm những chính sách sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

- Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.

- Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

2.4 Những hành vi bị nghiêm cấm

(Điều 6 - Luật Bảo vệ môi trường 2022)

- Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

- Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

- Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

- Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.

- Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế.

- Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

- Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.6 Trách nhiệm quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường của chính quyền cấp xã

(Quy định tại Khoản 3 - Điều 168 - Luật BVMT 2022)

Ủy ban nhân dân cấp xã, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

+ Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy ước về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; tiếp nhận đăng ký môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn;

+ Tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường và quản lý chất thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

+ Truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng; vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; hướng dẫn cộng đồng dân cư trên địa bàn đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa;

+ Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;

+ Huy động và sử dụng nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

+ Tổ chức thu thập thông tin về môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

+ Trách nhiệm bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó, trừ trường hợp pháp luật về đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đã quy định.

***3.* Một số văn bản về bảo vệ môi trường:**

- Luật Bảo vệ môi trường 2022;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
-Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

CHUYÊN ĐỀ 3:
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Khái niệm quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn

1.1 Quan niệm về nông nghiệp và phát triển nông thôn

Nông nghiệp và phát triển nông thôn là hai khái niệm khác nhau. Theo khái niệm truyền thống nông nghiệp là một ngành sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội có nhiệm vụ cung cấp sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi cho xã hội.

Phát triển nông thôn là một khái niệm rộng hơn, nó bao hàm phát triển cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Trong đó, phát triển sản xuất nông nghiệp là một nội dung quan trọng gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

1.2 Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn

Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn là dạng quản lý chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm tham mưu cho Chính phủ duy trì trật tự pháp luật, đưa ra các thể chế, chính sách nhằm điều chỉnh các quan hệ và hành vi hoạt động của con người trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo thẩm quyền được phân công.

Từ cách tiếp cận như trên, quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn của chính quyền cấp xã được hiểu: *là hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành, được điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn do chính quyền cấp xã thực hiện, nhằm duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội, trật tự pháp luật, bảo đảm thực thi chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.*

1.3 Vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong tiến trình CNH, HĐH ở nước ta

Trong tiến trình CNH, HĐH đất nước, nông nghiệp và phát triển nông thôn nước ta đóng vai trò, vị trí quan trọng, bởi những lý do như sau:

- Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện nay, cũng như những năm tiếp theo của quá trình CNH, HĐH vẫn còn là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong những năm qua, dù tỷ trọng giá trị hàng hóa nông, lâm, thủy sản trong tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) giảm, nhưng giá trị tuyệt đối vẫn tăng và đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội chung của đất nước, là nguồn tạo việc làm và thu nhập chính cho khoảng 70% dân số cả nước sống ở nông thôn.

- Sản xuất nông nghiệp góp phần to lớn vào việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu mang về nguồn ngoại tệ đáng kể cho đất nước.

- Dân cư nông thôn chiếm khoảng 70% dân số cả nước, đây là một thị trường rộng lớn, không chỉ là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, mà còn là nơi tiêu thụ sản phẩm công nghiệp. Qua đó cho thấy, quá trình phát triển kinh tế đất nước theo hướng CNH, HĐH tất yếu phải gắn chặt giữa nông thôn và thành thị và có sự liên kết với nhau, cùng nhau phát triển.

- Phát triển kinh tế, xã hội nông thôn còn có ý nghĩa quan trọng trong việc ổn định an ninh, chính trị quốc gia.

2. Nội dung quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với chính quyền cấp xã

2.1 Nguyên tắc quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn

- Nguyên tắc quản lý nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, kiểm tra, giám sát của nhân dân

Nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, chính quyền các cấp phải thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Các Nghị quyết của Đảng luôn luôn là nguồn quan trọng nhất để ban hành các quyết định quản lý trong nông nghiệp và nông thôn.

Hoạt động quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn phải phản ánh được nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân. Hoạt động quản lý nhà nước phải đảm bảo quyền dân chủ thực sự của nhân dân trong việc tham gia quản lý nhà nước, phải tạo điều kiện để nhân dân hoàn thành nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước đề ra, để họ tạo ra lợi ích cho xã hội, cho nhân dân và cho chính bản thân họ, trong đó lợi ích bản thân họ là động lực trực tiếp.

- Nguyên tắc tập trung - dân chủ

Trong tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước, hai mặt: tập trung và dân chủ là một thể thống nhất, không đối lập nhau, không hạn chế nhau.

Trong quản lý nhà nước phải luôn luôn chống bệnh tập trung quan liêu, chống tự do tùy tiện, phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật, thiếu kỷ cương.

- Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ

Các đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT đều nằm trên lãnh thổ nhất định; vừa chịu sự quản lý hành chính nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; đồng thời cũng phải chịu sự quản lý theo lãnh thổ của chính quyền địa phương trong một số mặt theo quy định. Hai mặt đó tạo nên một sự thống nhất giữa cơ cấu kinh tế ngành với cơ cấu kinh tế lãnh thổ trong một cơ cấu kinh tế chung.

Nguyên tắc này nó đòi hỏi quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và quản lý theo lãnh thổ của chính quyền địa phương phải có sự phối hợp, gắn bó với nhau.

- Nguyên tắc phân định và kết hợp tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý kinh doanh của các tổ chức kinh tế

Nguyên tắc này đòi hỏi trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cơ quan nhà nước không được can thiệp sâu vào nghiệp vụ kinh doanh, phải tôn trọng tính độc lập, tự chủ của các đơn vị kinh doanh; đồng thời nó cũng đòi hỏi các đơn vị kinh doanh trong việc thực hiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, chấp nhận cạnh tranh, mở cửa…phải tuân thủ pháp luật và chịu sự điều tiết bằng pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc này đòi hỏi tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước phải dựa trên cơ sở pháp luật của Nhà nước. Không cho phép cơ quan nhà nước nào thực hiện quản lý nhà nước một cách chủ quan, tùy tiện mà phải dựa vào pháp luật và làm đúng pháp luật.

- Nguyên tắc công khai

Trong quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn phải công khai cho dân biết trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phải chú ý đến dư luận xã hội, từ đó điều chỉnh kịp thời các quyết định quản lý, thực hiện phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra

2.2. Nội dung quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn của chính quyền xã

- Quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã

UBND xã lập quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của xã trình HĐND cùng cấp thông qua trước khi trình UBND huyện xét duyệt, triển khai và thực hiện quy hoạch, kế hoạch được cấp trên phê duyệt. Cụ thể:

+ Quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất được quy hoạch để phục vụ các yêu cầu công ích ở địa phương; thống kê, theo dõi biến động đất đai trong địa bàn; kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai ở địa phương; xây dựng và quản lý các công trình công cộng, đường giao thông, trụ sở, trường học, trạm y tế, công trình điện, nước theo quy hoạch đã được duyệt;

+ Quyết định và thực hiện các biện pháp khuyến khích, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch chung;

+ Quyết định và thực hiện các biện pháp thực hiện các chương trình khuyến khích phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên;

+ Quyết định và thực hiện các biện pháp xây dựng và phát tiển HTX, tổ hợp tác ở địa phương;

+ Triển khai thực hiện các biện pháp xây dựng, tu bổ đường giao thông, cầu, cống trong xã và các cơ sở hạ tầng khác ở địa phương;

- Quản lý về nông, lâm, ngư nghiệp và thủy lợi

+ Tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp theo quy định của cấp trên;

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất; hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch chung và phòng trừ các bệnh dịch đối với cây trồng và vật nuôi;

+ Điều chỉnh quy hoạch sản xuất lương thực cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và khả năng tiêu thụ, tăng năng suất chất lượng;

+ Phối hợp cấp trên và cơ quan chức năng xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung, chuyên canh.

+ Triển khai thực hiện các chính sách bảo vệ lợi ích cho người sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

+ Hướng dẫn nông dân ở địa phương phát triển theo quy hoạch và chú trọng đầu tư thâm canh cây công.

+ Phát triển và nâng cao chất lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm; khuyến khích người dân chăn nuôi công nghiệp tập trung gắn với chế biến; tăng tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp.

+ Phát huy hiệu quả nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã, khuyến khích nông dân phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn theo hướng công nghiệp sạch, đảm bảo môi trường và tiêu chuẩn xuất khẩu; ổn định nguồn khai thác gần bờ; nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ và năng lực bảo quản chế biến thủy sản.

+ Phối hợp cơ quan chức năng (kiểm lâm địa bàn) bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng ở địa phương. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định lâu dài theo hướng xã hội hóa lâm nghiệp.

+ Tổ chức việc xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ ở xã; tổ chức việc tu bổ, bảo vệ đê điều; phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều tại địa phương;

+ Quản lý, kiểm tra, bảo vệ việc sử dụng nguồn nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Quản lý và khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn xã

+ Hướng dẫn và khuyến khích phát huy vai trò của kinh tế hộ gia đình

+ Đổi mới hoạt động của Hợp tác xã

- *Đối với kinh tế nhà nước:* Tạo ra một mối quan hệ chặt chẽ giữa chính quyền xã với các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả, đặc biệt là các nông, lâm trường trên địa bàn xã.

- *Đối với các thành phần kinh tế khác trong nông nghiệp* (kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài): có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm ở nông thôn, góp phần cung cấp dịch vụ đầu vào, đầu ra cho người nông dân. Do vậy, trong phạm vi chức năng quản lý của mình chính quyền xã tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế này phát triển và hướng vào phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Kết hợp với cơ quan chức năng quản lý các thành phần kinh tế hoạt động đúng luật không gây ảnh hưởng về môi trường, sinh thái nhằm tạo nên sự liên kết phát triển bền vững giữa nông nghiệp và công nghiệp.

- Quản lý xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ công trên địa bàn xã

+ Quản lý giao thông trên địa bàn xã

+ Quản lý cấp nước sạch trên địa bàn xã

+ Quản lý thoát nước, rác thải và vệ sinh mội trường

+ Quản lý vườn hoa, cây xanh công cộng, nghĩa trang liệt sĩ

- Quản lý các điểm dân cư trên địa bàn xã

+ Tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng cho các tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã;

+ Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng theo thẩm quyền;

+ Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã;

+ Cấp, thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ thuộc các điểm dân cư nông thôn; kiểm tra việc xây dựng công trình theo giấy phép được cấp trên địa bàn xã; tiếp nhận, xác nhận hồ sơ để cấp có thẩm quyền thực hiện việc xác lập quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

+ Quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cung cấp thông tin về lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Tổ chức thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

+ Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của nhân dân;

- Quản lý, khuyến khích và hỗ trợ phát triển công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn xã

- *Về phát triển công nghiệp nông thôn:*

+ Phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản vào các sản phẩm có lợi thế so sánh của vùng, địa phương;

+ Phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập người dân ở địa phương;

+ Khuyến khích phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;

+ Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp chế tạo các phụ tùng chi tiết cho các cơ sở công nghiệp lớn, công nghiệp lắp ráp các linh kiện máy móc ở địa phương.

+ Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

- Về phát triển dịch vụ ở nông thôn:

+ Chính quyền xã khuyến khích phát triển hệ thống khuyến nông, dịch vụ thủy nông, thú y, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã. Với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời các yêu cầu sản xuất một cách có hiệu quả, giá thành hạ, giảm rủi ro cho nông dân;

+ Triển khai thực hiện chủ trương Nhà nước về xã hội hóa dịch vụ nông thôn bao gồm dịch vụ thương mại, tài chính, nước sinh hoạt, cơ khí nông thôn, vận tải và phát triển giao thông nông thôn, điện, thông tin liên lạc, tư vấn kinh doanh và pháp lý, chuyển giao công nghệ, đào tạo, y tế, du lịch, văn hóa, giải trí...nhằm thu hút sự tham gia của mọi thành phần kinh tế để đảm bảo cung cấp dịch vụ sản xuất và đời sống nông thôn;

- Quản lý các vấn đề xã hội, an ninh và trật tự trên địa bàn xã

+ Thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn xã. Trước mắt tập trung vào hỗ trợ các đối tượng chính sách, người già neo đơn, tàn tật.

+ Vận động các tổ chức xã hội, kinh tế...vào giải quyết xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

+ Vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình ở địa phương;

+ Thực hiện các chính sách xã hội đối với gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng;

+ Thực hiện các chính sách về giáo dục- đào tạo; y tế; văn hóa...Đẩy mạnh công cuộc đổi mới về kinh tế, xã hội nông thôn.

+ Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế các tệ nạn xã hội, duy trì trật tự an toàn xã hội làng, xóm; xây dựng nếp sống văn hóa mới, gia đình văn hóa.

+ Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đến năm 2030

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thị trường, xuất khẩu, chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa. Thực hiện xây dựng nông thôn mớinâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm. Đổi mới chính sách quản lý và sử dụng đất trồng lúa, hằng năm sản xuất khoảng 35 triệu tấn lúa làm nòng cốt bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp, nông dân với biến đổi khí hậu từng vùng, miền; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ổn định. Tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thị trường, xuất khẩu, chuỗi giá trị toàn cầu.

Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại hiệu quả cao, thân thiện với môi trường. Phát triển nuôi trồng thủy sản cả trên biển và mặt nước nội địa theo hướng công nghiệp, quảng canh cải tiến, sinh thái; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, phát triển đánh bắt đại dương. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển. Chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, nâng cao hiệu quả rừng trồng, lâm đặc sản, đáp ứng cơ bản nhu cầu lâm sản trong nước và làm

nguyên liệu chế biến xuất khẩu. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các chuỗi giá trị lâm nghiệp.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Phát triển mạnh doanh nghiệp nông nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng và quản trị ngành; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp. Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

Kế hoạch phát triển ngành giai đoạn 2021 - 2025 xác định:

Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

Mở rộng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch gắn với công nghiệp chế biến, tham gia chuỗi giá trị;

Nâng cao hiệu quả diện tích các cây công nghiệp, cây dược liệu, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối, xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường quốc tế.

+ Chú trọng khôi phục và phát triển kinh tế rừng. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng của vùng.

Phát triển mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, hình thành các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến.

+ Khai thác lợi thế, phát triển có hiệu quả sản xuất thủy sản, cây ăn quả, lương thực gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

3.3 Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2030

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn về nếp sống tới từng thôn, bản, ấp, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn. Thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, kết nối chặt chẽ xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa. Thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn để xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh thực hiện Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có trên 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao."

Mục tiêu xác định trong giai đoạn 2021 -2025: Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Phấn đấu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí; tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã, huyện, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

- Phấn đấu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới;

- Phấn đấu cả nước có ít nhất 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Phấn đấu 60% số thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

4. Một số văn bản tham khảo:

- Văn kiện Đại hội XII, XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030;

- Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;